

“Những mảnh vụn ngôn ngữ và lịch sử: tiếng Việt từ thời LM de Rhodes - niên hiệu **Long Thái** và chúa **Khánh** ở **Cao Bằng**, chúa **Bằng** ở **kinh đô**” (phần 29)

Nguyễn Cung Thông¹

Phần này bàn về niên hiệu Long Thái và chúa Khánh ở Cao Bằng vào thời LM de Rhodes đến truyền đạo. Đây là lần đầu tiên các danh từ như vậy được dùng trong tiếng Việt qua dạng con chữ La Tinh (chữ quốc ngữ). Các tài liệu tham khảo chính của bài viết này là cuốn "**Chúa Thao cổ truyện**" và bốn tác phẩm của LM de Rhodes soạn: (a) cuốn Phép Giảng Tám Ngày (viết tắt là PGTN), (b) Bản Báo Cáo vắn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh (viết tắt là BBC), (c) Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài 1627-1646 và (d) tự điển Annam-Lusitan-Latinh (thường gọi là Việt-Bồ-La, viết tắt là VBL) có thể tra tự điển này trên mạng, như trang <http://books.google.fr/books?id=uGhkAAAAMAAJ&printsec=frontcover#v=onepage&q&f=false>. Các chữ viết tắt khác là **Nguyễn Cung Thông** (NCT), Hán Việt (HV), Việt Nam (VN), ĐNA (Đông Nam Á), LM (Linh Mục), CG (Công Giáo), PG (Phật Giáo), TVGT (Thuyết Văn Giải Tự/khoảng 100 SCN), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), TV (Tập Vận/1037/1067), TNAV (Trung Nguyên Âm Vận/1324), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bỏ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), TViB (Tự Vị Bỏ/1666), TTTT (Tứ Thanh Thiên Hải), KH (Khang Hi/1716), P (tiếng Pháp), A (tiếng Anh), L (tiếng La Tinh). Trang/cột/tờ của VBL được trích lại từ bản La Tinh để người đọc tiện tra cứu thêm. Tương quan Hán Việt ghi nhận trong bài không nhất thiết khẳng định nguồn gốc của các từ liên hệ (có gốc Việt hay Hán).

1. Chúa Khánh trong VBL

VBL ghi chúa Khánh một lần trong trang 362 - để ý VBL không viết hoa các tên riêng hay địa danh tiếng Việt hay Hán (td. khánh, cao bằng) ở trang này, nhưng viết hoa chúa ở trang khác (làm khái động Chúa, trang 179) so với trường hợp chỉ thượng đế² (đức **Chúa** trời đất, trang 117) hay tên người trong **ngữ hệ Án Âu** (dòng ông thánh **Chico**, trang 159):

*khánh, chúa khánh: nome
de hũ regulo que està nos mon-
tes da parte da China, e foy
antigamente possuidor de qua-
tro Prouincias de Tonquim, o
lugar aonde està se chama cao
bằng: nomẽ Reguli qui olim
possidebat quatuor Tũchini
Prouincias, nunc habitat in
montibus inter Tunchinum
& Sinas cao bằng dictis.*

VBL trang 362

¹ Nghiên cứu ngôn ngữ độc lập ở Melbourne (Úc) – email nguyencungthong@yahoo.com

² Theo truyền thống CG thì danh từ chỉ thượng đế phải viết hoa (td. God thay vì god) vì lòng tin vào một thượng đế tối cao mà thôi (**monotheistic religion** - tôn giáo thờ một thần ~ đơn/nhất thần giáo).

Đoạn trên giải thích chúa Khánh từng trị vì một vương quốc gồm bốn tỉnh ở Đàng Ngoài, nhưng sau đó phải rút lên miền núi giữa Đàng Ngoài và Trung Hoa. Địa phận này (cũng như một "nước" vì có vua và hệ thống hành chính ...) có thể xem như là Đàng Trên (VBL ghi 1 lần) chỉ những khu vực (xứ) ở trên rừng núi so với Đàng Trong (VBL ghi 2 lần) và Đàng Ngoài (VBL ghi 2 lần). VBL đã ghi nhận khá chính xác giai đoạn VN phân hóa thành những khu vực dưới quyền cai trị của các chúa khác nhau: cách gọi Đàng trên có thể chỉ khu vực Tuyên Quang, Yên Bái và Cao Bằng thuộc chúa Bàu ; hay còn chỉ Cao Bằng dưới ảnh hưởng của tàn dư nhà Mạc như Mạc Kính Chỉ, Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan ...v.v... Chúa Khánh hay Khánh Vương 慶王 là Mạc Kính Khoan 莫敬寬 (? - 1638) từng làm tướng nhưng không phục Mạc Kính Cung nên tự làm vua, bị Trịnh Tráng (chúa Bàng) đánh bại ở Bắc Giang nên phải chạy lên Cao Bằng. Mạc Kính Khoan lấy niên hiệu là Long Thái (1623-1638). Năm 1621, Trịnh Tráng đem quân lên Cao Bằng nhưng Mạc Kính Khoan không đương đầu mà trốn đi, khi quân Lê Trịnh lui về thì Mạc Kính Khoan lại ra. Thời kỳ Mạc Kính Khoan trị vì ở Cao Bằng cũng là lúc LM de Rhodes đến Đàng Ngoài nên trong VBL đã ghi các danh xưng như Thanh Đô Vương (Trịnh Tráng), chúa Khánh và Long Thái. Trong cuốn "Lịch sử Vương Quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646" bằng tiếng Pháp, LM de Rhodes cũng nhắc đến chúa Khánh sáu³ lần, tuy nhiên chúa Khánh lại viết là **Ciüa canh** - xem hình chụp bên dưới - phản ánh giai đoạn đầu (chưa ổn định) kí âm tiếng Việt của LM de Rhodes

Mais cependant le Diable ne s'endormoit point dans le dessein qu'il auoit commencé d'arrester les beaux progrès que la Religion Chrestienne faisoit en ce Royaume. Il suscita donc vn homme à perir, & perdu de conscience, originaire du país, tenu par le *Ciüa canh*, lequel ayant durant quelque temps fait l'office de *Saj*, & n'y trouuant pas son compte, pour estre son Temple presque deserté depuis l'approbation cõmune que les peuples donnoient à la predication de l'Euangile, resolut de prendre vn autre mestier, & s'estant fait Chef de quelques bandoliers, alloit à la petite guerre sous les enseignes du rebelle *Ciüa canh*, exerçant toute sorte de voleries dans le Royaume de Tunquin. Mais en fin ayant esté pris par les troupes du Roy, qui couroient le país pour le nettoyer des voleurs, & mené dans les prisons, voyant bien qu'il ne pouuoit pas euitter la mort, il s'aduisa d'vn moyen pour la dilayer; promettant (si on luy vouloit faire quelque grace) de decouurer vne secrette conspiration contre le Roy, & son Estat. On le voulut ouïr; & il dit en sa deposition, que le Prestre European qui preschoit librement au milieu de la Ville, & de la Cour du Roy de Tunquin, auoit de secretes intelligences, tant avec le *Ciüa canh*, comme avec le Roy

³ Chúa Khánh xuất hiện 6 lần trong LSVQĐN so với chúa Bàng 3 lần và chúa Thanh Đô (Vương) 2 lần.

Đề ý chúa Khánh có lúc viết hoa là **Ciüa Canh**, có lúc viết là **Ciüa canh** - ngoài ra bản dịch ra tiếng La Tinh có lúc viết là **Ciüa Cham** (trang 39, phần 2). Trong trang chụp lại bên trên, sãi viết là **saj** không có thanh điệu, phản ánh cách viết trước thời VBL. Ngoài ra, **kẻ chọ** (không viết hoa - VBL trang 354, trang 111) viết là **Che ce** như trong trang chụp bên dưới, cho thấy tương quan k- và ch-, so với cách viết **Kecio** trong bản đồ thứ nhất và thứ nhì. Vấn đề chính tá trở nên phức tạp khi Ciüa Canh và Che ce được dùng như một danh từ La Tinh và biến cách (inflect/A ~ thay đổi bằng cách thêm hậu tố tùy theo thể/cách ..) như những từ La Tinh khác, td. trong đoàn ngữ urbem **Checensem** (so với **Tunkinensem**), hay **Ciüachancho** khác với bản tiếng Pháp (xem hình chụp). Các dạng khác nhau ở trên làm quá trình truy nguyên thêm khó khăn và dễ đi ‘lạc đường’. Ngoài ra, bản dịch ra tiếng Pháp của LM Henry Albi cũng có thay đổi và thống nhất hơn (td. *canh* thay vì *chan* hay *cham*) và thêm thắt so với bản nguyên thủy bằng tiếng La Tinh: do đó các tác giả VN trước đây dễ bị nhầm lẫn khi chỉ dựa vào bản tiếng Pháp mà thôi.

Ce fut donq le second jour du mois de Juillet de l'An 1627. que nous entrâmes dans la Cour, & la Ville Royale de *Che ce*, à la suite, & à la compagnie du Roy, reuenant de la guerre de la Cocinchine, ou plûtoft venant de donner la chasse depuis trois iours à *Ciüa Canh*, & de remporter sur luy vne victoire tres-importante
X à tout

Trang bằng tiếng La Tinh (trang 42, sdd) nguyên bản được dịch ra tiếng Pháp bên trên:

lumen, Tunchinensem in aulam inueheret, qua filium Mariæ lucem primigeniam illam quidem, in cognatas Elizabethæ ædes secum induxerat. Secundâ igitur Iulij die, anno 1627 in urbem Checensem, atque adeo in aulam regiam primum intulimus pedem, ipso vsi comitatu regis, à Cocincinensi bello reducis, aut à fugando potius, continenti trium dierum spatio, Ciüachancho, quem insigni opportunissimâque fuderat victoriâ: quippe constat, si longiores in hoste

Vấn đề phát âm phụ âm c trở nên khá phức tạp vì chúng ta đã quen đọc theo tiếng Việt c là /k/ như có, cơ, ca, cụ, cứ ... nhưng khi đứng trước các nguyên âm nhỏ/trước i, e thì dùng dạng

k. Vào TK 17, khi các giáo sĩ Tây phương sang ĐNA truyền đạo thì ảnh hưởng của các ngôn ngữ Hi Lạp, La Tinh (dùng trong các hoạt động tôn giáo) trở nên rõ nét trong phương pháp kí âm tiếng Việt. Phụ âm c khi đứng trước các nguyên âm nhỏ/trước i, e thì lại đọc là gần như ch như trong tiếng Việt hiện đại, còn ch lại đọc như là k theo truyền thống Hi Lạp/La Tinh trong nhà thờ (CG). Thí dụ như Kê Chợ trong LSVQĐN⁴ thì LM de Rhodes viết là **che ce** hay **Che ce**, chúa Khánh thì ông viết là **ciua Chan** hay **ciua Cham**.

Tóm lại, qua các dạng trong bản tiếng Pháp và La Tinh, ta có cơ sở để kết luận Ciua Canh chính là chúa Khánh với chính tả phản ánh thời kỳ chữ quốc ngữ trước VBL. Không những chúa Khánh (< Ciua Canh) là một trong những tiếng Việt được viết bằng con chữ La Tinh, tài liệu trên còn cho thấy cách dùng **Ciua bang** hay **chúa Bằng** - tước hiệu của Trịnh Tùng bắt vua Lê phong cho mình là Bình An Vương (平安王) tại vị từ năm 1570 đến 1623. Người viết/NCT chưa đọc được một tài liệu tiếng Việt nào ghi nhận cách gọi đặc biệt này nhưng sự hiện diện của cách gọi này qua ghi nhận của LM de Rhodes cho thấy ảnh hưởng của Trịnh Tùng rất lớn trong dân gian. Ngoài ra chữ bình 平 đã đọc là bằng trong các cách dùng như Cao Bằng 高平 (trong bản đồ, VBL, các bản báo cáo cùng thời).

2. Cao Bằng và Bằng An Vương - chúa Bằng (Trịnh Tùng)

2.1 VBL đã ghi nhận Cao Bằng trong trang 362 (xem hình chụp lại ở trang 1), cũng như hai bản đồ từ LM Alexandre de Rhodes - bản đồ **thứ nhì** (1653) chụp lại ở dưới với phần ghi chú thêm về Cao Bằng hay CAV BANG: tạm dịch từ ghi chú tiếng Pháp trên bản đồ/NCT: “*Civa Canh (chúa Khánh) bị săn đuổi từ Đông Kinh⁵ và phải rút về vùng núi này, và từ đây mà chúa Khánh vẫn khuấy rối đồn lũy của quân dân Đông Kinh*”. Bản đồ **thứ nhất** (kèm theo cuốn VBL in năm 1651) chỉ có ghi các địa danh như Kê Chợ (Kecio), Kê Bắc (Ke Bac), Cao Bằng (CAV BANG) mà không có ghi chú chi tiết hay giải thích thêm như bản đồ thứ nhì.



Bản đồ thứ nhất (1651)

⁴ LSVQĐN viết tắt của Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài, theo LM Đỗ Quang Chính là tạm gọi cho đầu đề cuốn sách bằng tiếng La Tinh "Tunchinesis historiae libri duo, quorum altero status temporalis hujus regni, altero mirabiles evangelicae predicationis progressus referuntur: Coepta per Patres Societatis Iesu, ab anno 1627, ad annum 1646" của LM de Rhodes in năm 1652 ở Lyon.

⁵ Bản đồ thứ nhì ghi Kê Chợ/Kecio là Đông Kinh/Tumkin, bản đồ thứ nhất chỉ ghi Kê Chợ/Kecio.

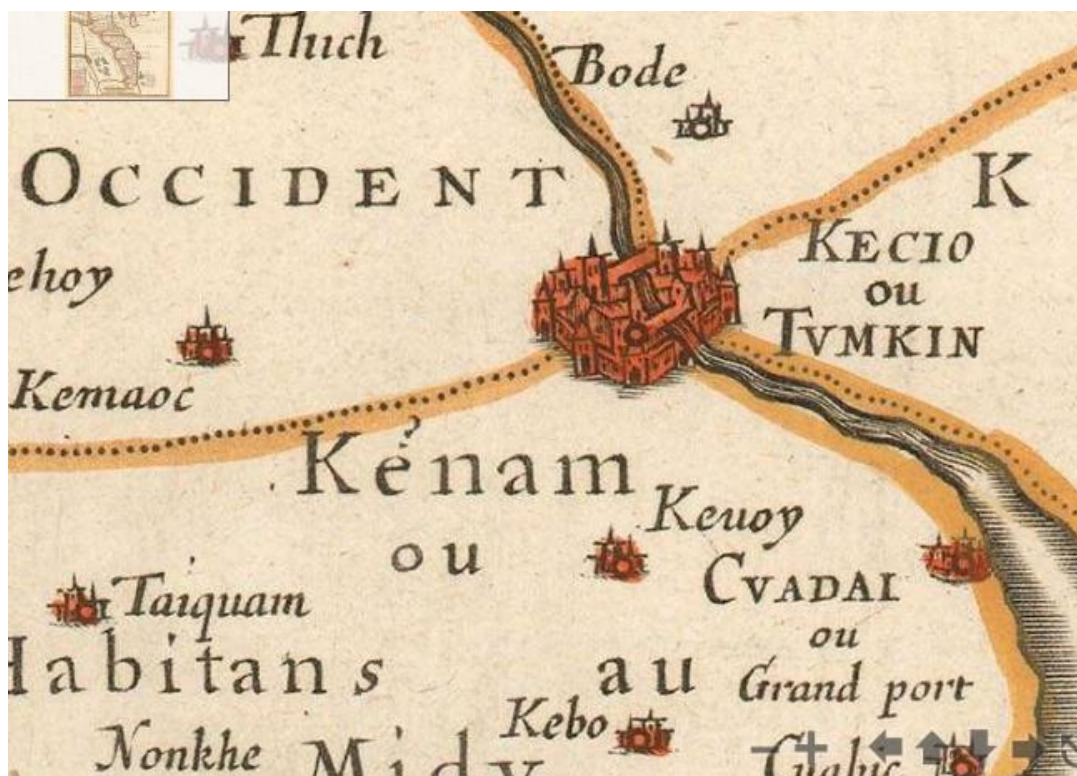


bản đồ thứ nhì (1653)

Trên cùng bản đồ 1653, Quảng Bình 廣平 viết là Quambin (phủ/tỉnh Quảng Bình) cũng như thành Quảng Bình: Quambin xuất hiện hai lần nhưng không có trong bản đồ 1651 - xem hình chụp bên dưới. Như vậy là Đàng Trong vào TK 17 đã không dùng dạng bằng so với bình.



Cũng như các tài liệu xuất bản hậu kỳ, bản đồ thứ nhì (1653) đã có nhiều chi tiết và ghi chú hơn so với bản đồ thứ nhất (1651). Thí dụ của tên gọi dân dã Kê Chợ **Kecio** so với Đông Kinh **Tvmkin** ghi rất rõ trên bản đồ thứ nhì, Cửa Đại **Cvadai** dịch nghĩa ra là grand port/P, **Kênam** có thêm dấu hỏi (Kê) so với bản đồ thứ nhất Ke nam, cũng như giải thích thêm Kênam là người/dân sống ở phía nam (Habitans Midy - tiếng Pháp thời trung cổ)...v.v...



2.2 Chúa Bằng

Đây là một trong các cách gọi Trịnh Tùng (năm quyền 1570 -1623), có thể từ tước hiệu Bằng An Vương 平安王 (xem mục 1 bên trên). Không thấy tài liệu nào nhắc đến tên gọi chúa Bằng⁶ này so với LSVQĐN cũng như trường hợp chúa Khánh như trên, so sánh bản La Tinh nguyên thủy và bản dịch tiếng Pháp chụp lại bên dưới

Sed non deligitur nisi ex suffragio ipsius Ciuiæ, quem deinceps Regem appellabimus, imò & tantum auctoritate valet, vt Buiam etiam ipsum possit deponere, aliumque ex eadem profapia promouere ad Imperium. Familia porro ex qua plures iam annos Buiæ deliguntur, domus Lê vocatur, toto regno celeberrima. Estque post fundatum Tunchinense regnum, quarta, ex qua non interrupto cursu, delecti sunt Buiæ.

De

Digitized

Liber primus.

II

De Rege subalterno quem Ciuiam dicunt.

CAPVT IV.

POSTQVAM Ciua bang ille cuius supra memini, mirabili prudentiâ & fortitudine pluribus tandem præliis annorum quadraginta fudisset, & regno expulisset, rebellem illum qui quatuor (vt dixi) prouincias tyrannicè inuaserat: tantâ cœpit valere

Bản La Tinh trang 11


⁶ Một điểm đáng ghi lại ở đây là Trịnh Tráng cũng được thăng làm **Bình** quận công 平郡公 và Thanh quận công 淸郡公 (ĐVSKTT) so với tước hiệu Thanh Đô Vương - VBL ghi **thanh/thinh đô vương**.

Histoire du Royaume de Tunquin. 15
 ans que le Royaume de Tunchin a eu commencement,
 est nommée la Maison de Lé, celebre, & reconniüe des
 Chinois, vers lesquels le Bua de trois en trois ans en-
 uoye ses Ambassadeurs, qui sont nommez au choix
 du Ciüa. Et ce que nous auons dit du Bua des Tun-
 chinois a beaucoup de rapport avec ce que l'on racon-
 te du Dairy des Iaponois.



*Du Ciüa, ou du Roy subalterne qui gouuerne
 le Royaume de Tunquin, & de sa
 Puissance.*

CHAPITRE IV.

 PRES que Ciüa bang, duquel nous auons
 parlé cy-dessus, par sa genereuse conduite, &
 par la force des armes, avec vne longue pa-
 tience, & d'extremes fatigues de guerre qu'il prit du-

Bản dịch tiếng Pháp của trang 11 La Tinh

3. Chúa Thao cổ truyện

3.1 Bản chữ Nôm "Chúa Thao cổ truyện"/CTCT, được thư viện đại học Yale lưu trữ, ghi cách dùng **Long Thái** 4 lần và **Cao Bằng** 5 lần so với tổng số chữ 3346. Đọc bốn câu đầu cho ta ấn tượng là nhà Mạc trị vì 60 năm rất 'yên ổn', trước khi bị thất thế phải lên Cao Bằng.



Thoạt đầu người viết (NCT) nghĩ rằng CTCT chỉ là hư cấu⁷, nhưng thật ra khi đọc kỹ các địa danh và vài chi tiết trong truyện thì khá ăn khớp với tài liệu lịch sử và địa lý⁸, nhất là khi Đại Việt Sử Ký Toàn Thư⁹ đã ghi một câu chuyện tương tự:

⁷ Theo học giả Hoàng Xuân Việt (sdd) thì CTCT kể lại chuyện tình của công chúa Kim, con của Trịnh Tráng và chúa Thao Tín, con của Mạc Kính Khoan. Vấn đề liên hệ oái ăm như trên cũng từng xảy ra trong vòng vua chúa

“贈都督同知韜郡公莫敬門爲左都督敬門係僞族屬先以革心歸命蒙加職爵敬門復迹回高平後又詣關爲臣王含弘大德更容納優待至是殆又贈之

Tặng đô đốc đồng tri Thao quận công Mạc Kính Môn làm tả đô đốc. Kính Môn là họ hàng họ Mạc, trước đã đổi lòng quy thuận, được phong chức tước rồi lại trốn về Cao Bằng, sau lại về làm tôi dưới cửa khuyết. Vương đức lớn bao la, lại bao dung trọng đãi. Đến đây chết, lại được tặng” (hết trích/NCT). **Thao quận công** theo tài liệu trên là Mạc Kính Môn.

Câu 3 đề cập đến thời gian trị vì của họ Mạc là 60 năm¹⁰, cũng tương ứng với lịch sử. Trích Đại Việt Sử Ký Toàn Thư: "Lời sấm nói: "Họ Mạc được năm Hợi, mất nước năm Hợi". Xem *Đặng Dung cướp ngôi năm Đinh Hợi, đến Mậu Hợp mất nước năm Quý Hợi*, quả có ứng nghiệm". Đề ý là giai đoạn từ năm 1623 đến 1683 - khi nhà Mạc còn ảnh hưởng lớn trên Cao Bằng - hay từ thời Mạc Kính Khoan cho đến Mạc Kính Quang, thì cũng vào khoảng 60 năm.

3.2 CTCT câu 24 và 25 còn ghi là

"Vua cha Long Thái cầm quyền Nam bang,

Đàng Trong các xứ lại hàng"

Điều này cho thấy là đã từng có liên hệ giữa chúa Nguyễn ở Đàng Trong và chúa Khánh ở Cao Bằng. Chính khả năng này mà trong LSVQĐN, LM de Rhodes kể lại chuyện một tử tội - người này bị bắt khi còn làm dưới trướng chúa Khánh và đánh phá quân dân chúa Trịnh (xem thêm mục 2.1) - đã khai 'gian' rằng hai chúa Nguyễn và Khánh sẽ hợp lại để tiêu diệt chúa Trịnh hầu lên cầm quyền: "*Thấy mình không thể thoát chết, hẳn tìm cách trì hoãn hứa (nếu được hưởng ân xá) thì sẽ phát giác một âm mưu bí mật chống chúa và quốc gia. Người ta bằng lòng nghe hẳn và hẳn tố giác đạo trưởng Tây dương giảng tự do giữa kinh thành và nơi phủ chúa Đàng ngoài làm mật vụ gián điệp cho chúa Canh cũng như cho chúa Đàng Trong; họ đã thông đồng với nhau khi đến thời nếm, mỗi bên đều có một đạo binh tinh nhuệ kết hợp với giáo dân mà châm lửa đốt phủ chúa và trong trận chớp nhoáng này họ dễ dàng bắt chúa và toàn quốc qui phục quyền họ. Đó là vu khống mà tên đạo tặc đặt ra để chống chúng tôi. Chúa nhận được tin này, toàn thể giáo dân cũng biết và tức khắc báo cho chúng tôi hay. Nhưng chúng tôi tin vào lòng ngay thẳng vô tội của chúng tôi nên thấy không cần bào chữa, chỉ cậy nhờ sự săn sóc của Thiên Chúa quan phòng, Người nhận việc bảo vệ chúng tôi. Chúng tôi không nói gì, cũng không tự thanh minh cho tới khi chúa vời gọi chúng tôi. Thế nhưng theo tin đồn chông chất các vu cáo cũ và mới đối với chúng tôi, chúa không biết nên tin hay nên làm thế nào. Chúa liền quyết định ngăn cản chúng tôi hoạt động và làm cho vô hiệu những công việc của chúng tôi ở xứ này.*" (hết trích từ LSVQĐN trang 75, sđd). Dĩ nhiên sau sự việc này, chúa Đàng Ngoài liền ra lệnh cấm đạo.

Đàng Ngoài dù là thù địch như Trịnh Kiểm là con rể của Nguyễn Kim, quan chức thân cận của Trịnh Kiểm như Nguyễn Quyện và Nguyễn Miễn sau trở thành con rể của Mạc Kính Điển, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên có chính thất là Mạc Thị Giai (con gái của tướng Mạc Kính Điển, mẹ của chúa Nguyễn Phúc Lan)...v.v...

⁸ Các địa danh trong CTCT: kinh kì, Tràng An, phố phường, ba mươi sáu (phố phường), hàng đào, hàng bè, hàng hương, hàng bè, kẻ Bàu, Đàng Trong, Đàng Ngoài, Bồ Đề, sông Bồ Đề, Cao Bằng, Thanh Hoa ...v.v...

⁹ Trích từ trang <http://nomfoundation.org/nom-project/history-of-greater-vietnam/Search-History-of-Greater-Vietnam?uiLang=en> (các chúa đều được xưng tước quận chúa/quận công: Thao quận công ~ chúa Thao/NCT).

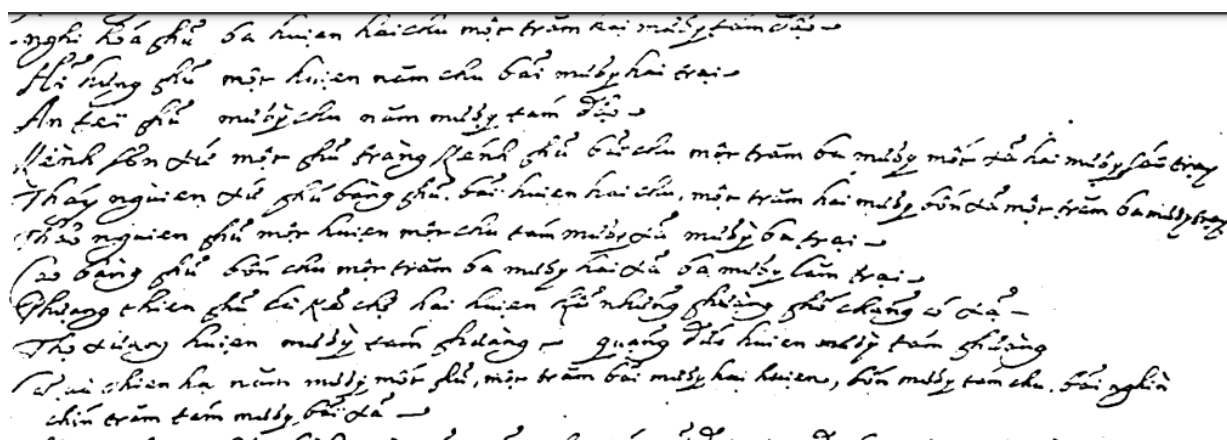
¹⁰ Ngày 15-7-1527 (năm Đinh Hợi), Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai về kinh, ép Lê Cung Hoàng xuống chiếu nhường ngôi và đặt niên hiệu là Minh Đức khởi đầu nhà Mạc cho đến năm 1592 đời Mạc Mậu Hợp mới 'tạm ngừng'. Giai đoạn hậu kỳ nhà Mạc gồm có Mạc Kính Chi (1592), Khang Hựu (1592–1593), Mạc Kính Cung (1593-1625), **Mạc Kính Khoan** (niên hiệu **Long Thái** (1623–1638)) và Mạc Kính Vũ (1638–1677)...v.v...

3.3 Long Thái

Thái là lớn (maximus/L, tương đương với cả theo VBL), tương ứng với thái HV 太, do đó long thái là con rồng lớn¹¹ (magnus draco/L theo VBL) và cũng là niên hiệu của vua Cao Bằng. Tuy nhiên tính từ thái (lớn) lại theo cú pháp tiếng Việt và đứng sau long, chứ không phải theo thứ tự chữ Hán như các cách dùng khác như thái tử, thái tổ, thái sư ... Điều này cho thấy khả năng thái đã được dùng tự do (free morpheme) vào TK 17 cũng như các tính từ thuần Việt khác. VBL chỉ ghi ba niên hiệu là Long Thái, Đức Long, Vĩnh Tộ (VBL không viết hoa) và giải thích vua đổi niên hiệu từ Vĩnh Tộ thành Đức Long vì năm 1629 bị hạn hán và mất mùa. Còn Long Thái là vua Cao Bằng, chắc phải có ảnh hưởng không nhỏ để cho một nhân chứng đương thời là LM de Rhodes phải ghi vào mục Long của VBL.

4. Bàn thêm về các dạng bằng - bình, che ce - kecio

4.1 Thư viết tay của Bento Thiện về lịch sử và địa lí nước An Nam (1659) ghi dạng Cao Bằng, Thái Bằng (Thái Bình): xem hình bên dưới “Cao Bằng phủ bốn chu một trăm ba mươi hai xã ba mươi lăm trại” chụp từ “Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659” Đỗ Quang Chính (sdd)



Đây là tài liệu cho thấy phủ Cao Bằng có bốn chu¹² (州 đọc là **chu** - cũng theo VBL- không phải đọc là **châu** như bây giờ, td. **Giao Chu, Mỹ Chu**). Hình chụp bên dưới cho thấy dạng Thái Bằng (~Thái Bình): "Thái bằng phủ bốn huyện, một trăm bảy mươi bốn xã" - bản viết tay của Bento Thiện cũng viết bằng là *bằng* giống như VBL và không viết hoa như địa danh *cao bằng*.

¹¹ Thái Long 太龍 là con rồng lớn, td. 太龍寺 Thái Long Tự ở Nhật có từ TK 9. Có thể nguyên nhân nào khác để cho ra niên hiệu Long Thái hay không? Đây là một vấn đề thú vị và cần tra cứu sâu xa hơn.

¹² Tài liệu này cho ta biết Cao Bằng phủ có bốn **chu** (> **châu**), phù hợp với dữ kiện lịch sử Cao Bằng cho thấy bốn chu là Thạch Lâm, Quảng Nguyên, Thượng Lang, Hạ Lang. Cách đọc chu vào thời kỳ này cũng giống như cách đọc **thì** (> **thời**) của 時, **bằng** của chữ 平, **chúa** so với **chủ** 主 ...v.v... Đây là một chủ đề rất đáng chú ý nhưng không nằm trong phạm vi bài viết nhỏ này. Một điều đáng nhắc ở đây là địa danh Cao Bằng có thể xuất hiện khá sớm, như từng ghi trong thư tịch “Cao Bằng xưa là ngoại địa của bộ Vũ Định; đồng bắc tiếp giáp Lương Quảng; tây nam tiếp giáp Thái Nguyên, Lạng Sơn. Có 1 lộ, 4 châu, 273 làng xã. Đây là nơi phen dậu thứ tư về phương Bắc vậy” trích từ Dư Địa Chí (Nguyễn Trãi, 1435). Theo các tác giả Phan Huy Tiếp/Hà Văn Tấn thì “Sách Dư Địa Chí viết năm 1435, chưa thể có tên Quảng Bình mà lời cần án có tên Quảng Bình, chúng tôi ngờ rằng chỗ này bị thời sau sửa chữa”. Hồng Đức Bản Đồ (sdd) cũng từng ghi các địa danh dùng bình như phủ Phú Bình gồm có huyện Bình Tuyên, phủ An Bình, phủ Thái Bình, phủ Tiên Bình, Thuận Bình chu, Quảng Nam thừa tuyên gồm có huyện Bình Sơn, Lạng Sơn thừa tuyên gồm có Lộc Bình chu ...v.v...

Hai đũa gạo, bốn gạo, hai hiện hai trăm một, tám a ba một bốn tray
 Năm sách gạo bốn hiện, một trăm hai một bốn là chín tray hai cho một
 Hai hai gạo, bốn hiện một trăm chín một bốn là hai một một tray
 Thường hai gạo ba hiện, một trăm bốn một bốn là
 San nam gạo, một một gạo, bốn một hai hiện
 Khuyết cho gạo, năm hiện một trăm hai một bốn là -
 Thái bằng gạo bốn hiện một trăm một một là ba một một tray -
 Khuyết bằng gạo ba hiện một trăm bốn một là ba tray -
 Tiên bằng gạo, bốn hiện chín một tám là -
 Thường bốn gạo ba hiện một bốn một bốn là hai một một tray -

4.2 Các thư viết tay của Igesico Văn Tin/VT (12/9/1659) và Bento Thiện/BT (25/10/1659) đều dùng **bằng an/bằng yên**¹³ 平安 một lần "Lạy ơn Đức Chúa Trời phù hộ Thầy bằng an lành linh hồn và xác" (VT) và "Thầy đi cho bằng an" (BT). VBL và PGTN cũng hoàn toàn dùng dạng bằng an "Nếu có nhiều thiên thần có phép bằng an lành, mà coi sóc loài người ta được bằng an lành, vì sao có nhiều giặc đến, nhiều sự láo đảo làm vậy?.. bây giờ đã tha tội đi bằng an" PGTN trang 64, 173. Cách dùng bằng an (bằng yên) còn hiện diện đến TK 18 vào thời LM Hilario de Jesu (Sách Các Phép, sđd); cho đến thời LM Béhaine (1772/1773, sđd) và Taberd (1838) ở Đàng Trong thì dạng **bình an** bắt đầu xuất hiện cùng với dạng **bằng an**.

cho 四
 có 未
 bằng 平
 an 安

LM Hilario de Jesu (khoảng giữa TK 18)

4.3 Công bằng và công bình

VBL chỉ ghi dạng cổ bằng ~ công bằng (trang 135) cũng như PGTN hoàn toàn dùng dạng này: "Mà mọi sự định ấy thậm phải lẽ và công bằng ... mà nói đều (điều) trách xi và rứt (rất) công bằng" PGTN trang 273. Đến thời LM Béhaine (1772/1773 - sđd) và Taberd (1838 - sđd) thì dạng công bình mới xuất hiện cùng với dạng công bằng. Khuynh hướng Đàng Trong thường dùng bình hơn là bằng có thể đã manh nha từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh - tham khảo bản đồ thứ hai chụp bên trên trong mục 2.1 - giải thích được phần nào các địa danh hậu kỳ đều dùng bình (Quảng Bình, Hòa Bình, Bình Thuận, Thái Bình, Ninh Bình ...) so với Cao Bằng là vết tích tên gọi từ thời trước. Hình sau là **bản đồ thứ ba** của các giáo sĩ dòng Tên (in năm 1683) bằng tiếng Ý in tại La Mã dựa vào các bản đồ thứ nhất và thứ nhì, cũng như của

¹³ VBL ghi là **bằng an**, **bằng ien** (trang 25) nhưng là **bằng yên** (trang 350).

Xem lại chữ bình/biên 平 (thanh mẫu tịnh 並 vận mẫu canh 庚 hay tiên 仙 bình thanh, khai khẩu tam đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

符兵切 phù binh thiết (TVGT, ĐV, QV)

皮明切 bì minh thiết (QV)

蒲兵切 bù binh thiết (TV, VH, LT)

皮兵反 bì binh phản (NTLQ 玉篇零卷)

皮并反 bì tịnh phản (NT)

房連切 phòng liên thiết (QV)

毗連切 bì liên thiết (TV, CTT)

皮命切 bì mệnh thiết (TV, LT, CV, CTT)

悲茗切 bi minh thiết (TV, LT)

TNAV ghi vận bộ 庚青 canh thanh (ương bình)

CV ghi cùng vận/bình thanh 緦胼胼蟻玼駢駢便平編榷 (biên bình *tiện tân)

CV ghi cùng vận/bình thanh 平枰評萃坪餅屏萍蒨駢邢泝駢駢凭憑馮湧湖 (bình biên bằng phùng phanh)

CV cũng ghi cùng vận/khứ thanh 病評平僻枰竝並位凭 (bệnh tịnh *bình *bằng)

蒲明切, 音萃 bù minh thiết, âm bình (CV, CTT, TVi, TĐTAT 重訂直音篇) - TVi ghi âm bình/bính 音屏

皮兵切 bì binh thiết (TTTT)

仲良切, 音長 trọng lương thiết, âm trường/trưởng/trưởng (TVi)

蒲光切, 音房 bù quang thiết, âm bàng/phòng (TVi)

蒲眠切, 音緦 bù miên thiết, âm biên (CV, TVi)

卑明切 ti minh thiết (TViB) - ti đọc là bēi (giọng BK theo pinyin hiện đại) ...v.v...

Giọng BK bây giờ là ping so với giọng Quảng Đông ping4 peng4 và các giọng Miền Nam
客家话: [梅县腔] piang2 pin2 [海陆丰腔] pin2 piang2 pe2 [客语拼音字汇] piang2 pin2

[陆丰腔] pin3 piang3 [客英字典] pin2 [东莞腔] pin2 piang2 [沙头角腔] pin2 piang2

[台湾四县腔] pin2 piang2 pe2 [宝安腔] pin2 | piang2 潮州话: pêng5 (phêng), pên5 (phêⁿ), tiếng Nhật hei hyou ben và tiếng Hàn phyeng phyen. Các dạng âm cổ phục nguyên của bình là *bjen/bien hay *b^hien so với các dạng bình, bằng, phẳng (b >ph) và thẳng tiếng Việt. Thời VBL/1651 hiện diện các cách dùng đàng phẳng (đường thẳng), phẳng mặt phẳng da, mặt còn

phẳng (mặt còn thẳng, da thẳng ...); thời Béhaine/Taberd (1772/1838) còn dùng bằng thẳng (bây giờ thường nghe bằng phẳng) ... Các biến âm khác là phẳng (đi phẳng phẳng).

4.4 Che ce là Kẻ chợ

Như đã viết bên trên, LM de Rhodes dùng ch- để cho dạng c- hay k- bây giờ như Che Vích, Che Bich (Kẻ Vích, hai bản đồ ghi là cuabic), Che no (Kẻ Nộ), Che ce (Kẻ chợ) - để ý là cách viết này khác với cách viết trong VBL và PGTN tuy rằng các tài liệu này in ra cùng khoảng thời gian (đầu thập niên 1650). So với cách viết của LM Gasparo d'Amaral trong bảng tường trình năm 1632 thì gần với VBL và PGTN hơn, cũng như gần với chính tả tiếng Việt hiện đại hơn. Thí dụ Che ce (de Rhodes, 1652) là Kẻ chợ (d'Amaral, 1632). Vài dữ kiện nên nhắc lại ở đây là LM d'Amaral (1632 - sđd) đã từng ghi nhận Đàng Trên (tên), Đàng Ngoài (Ngoài), Đàng Trong (Trong) và các niên hiệu như Đức lâu (long), Vĩnh Tô cũng như dạng **nhà**¹⁵ trong **nhà ti/nhà hién** mà LM de Rhodes ghi là **gna** trong **gna ti/gna hien**. Thêm vào đó là LM de Rhodes cũng ghi nhận công lao của LM d'Amral (và Barbosa) trong trang đầu của VBL.

5. Cẩn thận khi dùng bản dịch LSVQĐN

5.1 Ngoài sự lẫn lộn của chính tả chữ quốc ngữ trong giai đoạn ban đầu, chúng ta cũng phải thận trọng khi dùng tài liệu dịch từ nguyên bản - thí dụ như bản dịch ra tiếng Pháp¹⁶ của bản chính bằng tiếng La Tinh năm 1652, người dịch đã thêm vào chi tiết là "lập đồn lũy và tự xưng là chúa Canh". Bản dịch tiếng Việt lại theo nguyên văn tiếng Pháp thành ra thêm chi tiết này (**chúa Canh**) so với ý của nguyên bản là chỉ lập ra một vương quốc¹⁷ - so sánh sự khác biệt nhỏ giữa hai bản chụp ở bên dưới:

Interea vero rebellis ille Ciüa bang armis deuietus,
fecellit in montes Cinis finitimos, occupatisque locis
aliquot situ munitissimis, nomen ibi Regis, & insignia
retinuit. Fundato autem regno perexiguo, læpe delcen-
dis.

Digitized

8 *Historia Tunchinensis,*
dit infestus ex præruptis montibus, magnisque in sub-
iectis vndique locis strages edit, multis quidem supera-
tus prælijs, sed nondum omnino profligatus.

Nguyên bản bằng tiếng La Tinh

¹⁵ Theo người viết (NCT) thì nhà từng được LM de Rhodes ghi là **mia** trong câu "mia domu vocabant" (họ gọi là nhà), khác với cách diễn dịch của tác giả Đỗ Quang Chính ("họ gọi là nhà mía" - sđd). Cách phát âm mia với nguyên âm trước/nhỏ i có khả năng nhạc cứng hóa để cho ra dạng mya hay ja (nhà, dà - VBL). Ảnh hưởng tiếng Bồ khá rõ nét trong trường hợp này so với tiếng Ý (**gna** đã trở thành **nhà** trong VBL, PGTN), phản ánh kết quả học hỏi tiếng Việt 'sâu xa' hơn (từ các LM đi trước như d'Amral, Barbosa, de Pina) của LM de Rhodes.

¹⁶ LM dòng Tên Henry Albi là tác giả dịch nguyên bản La Tinh ra tiếng Pháp. Ông là tác giả các tài liệu như "Le voyage spirituel du B. Pierre de Luxembourg Cardinal" (1632), "La Vie de la Mère Jeanne de Jésus" (1640), "Eloges historiques des cardinaux illustres, françois et estrangers" (1644) và "Histoire du royaume de Tunquin" (1651). Đặc biệt là năm 1651 là năm ra đời bản dịch LSVQĐN trước năm 1652 là năm xuất bản cuốn bằng La Tinh của LM de Rhodes.

¹⁷ Khi tham khảo các tài liệu của Dòng Tên: không biết LM Henry Albi có liên lạc và kiểm lại với LM de Rhodes để thêm các chi tiết này vào - hay ông dịch từ một bản La Tinh cập nhật (khác) của LM de Rhodes? v.v...

Histoire du Royaume de Tunquin. 11

Cependant le Rebelle vaincu par les armes de *Ciua bang*, s'estant retiré avec toute sa famille sur les Montagnes voisines de la Chine, & y ayant occupé les lieux les plus auantageux d'assiette, y retint ambitieusement le Nom Royal de *Ciua Camb*, qu'il auoit auparauant porté; & y reprenant (par le loisir qu'on luy laissa) quelques forces, n'a cessé depuis de traualier les Tunquinois par des courtes frequentes, & par les voleries qu'il a faites sur le plat País: Et quoy qu'il ayt esté souuentefois repoussé, & battu par les Tunquinois, si n'a-t'il iamais esté encore mis en estat de ne les plus inquieter.

Bản dịch ra tiếng Pháp (1651)

5.2 Bản dịch tiếng Pháp ở chương 3 thêm cách gọi chúa Thanh Đô (*Ciua thanh do*) mà nguyên bản La Tinh không có - xem hai bản chụp lại cùng trang để so sánh.

De Rege subalterno quem Ciuiam dicunt.

CAPVT IV.



OSTQVAM *Ciua bang* ille cuius supra memini, mirabili prudentiâ & fortitudine pluribus tandem præliis annorum quadraginta fudisset, & regno expulisset rebellem illum qui quatuor (vt dixi) prouincias tyrannicè inuaserat; tantâ cœpit valere apud omnes gratiâ, & authoritate, vt communi consensu appellatus sit *Vvan* quod Cinico Idiomate, idem sonat, quod *Büa* significat Tunchinico. Suscepit autem annuente ipsomet *Büa* cum Regio nomine regiam etiam potestatem. Quo in munere adiunxit sibi omnium animos, & felici semper fortunâ vsus, ad extremam deuenit senectam. Sed vbi tamen ætate iam confectus, in lethalem incidit morbum, degener filius præmaturâ regnandi actus cupidine, moribundo patri eripere tentauit regnum. Quo intellectu furens senex filium statim dire cruciari præcipit, ac tandem confractis curibus necari. Successit in eius locum, & paterno regno donatus est, de fratrum etiam ac cognatorum consensu filius secundo genitus, patri vnice *Charus*, singulari iuuenis solertiâ, moribus compositis & indole mirabili.

Nguyên bản bằng tiếng La Tinh

16 *Histoire du Royaume de Tunquin.*

jusqu'à ce qu'estant arriué à vne extreme vieillesse, & trauaillé d'une maladie de laquelle il mourut, son Fils aîné impatient d'attendre le decez de son Pere, s'estant ingeré bien auant dans le gouvernement avec demonstration de quelques violences, où l'auoit emporté l'insolence de son Esprit; son Pere qui en fut aduertý conceut vn si sensible déplaisir, de ce qu'il ne le laissoit pas mourir en paix, qu'à son commandement, dont il pressa l'excution, on luy osta la vie, apres luy auoir coupé le nerf des cuisses. Ainsi ce ieune Ambitieux estant tombé, pour s'estre trop precipité, son Cadet, apres la mort, & celle du Pere (de qui il auoit esté tousiours fort aymé pour la douceur, & bonté de ses mœurs) recueillit la succession du Gouvernement, non seulement avec le Nom de *Ciua zhan do*, comme Lieutenant du Prince Souuerain, mais avec celuy-là mesme de *VVan*, & de Roy, que son Pere auoit porté deuant luy, avec beaucoup de merite, & sans enuie de personne; chacun se promettant beaucoup des loüables qualitez d'esprit, & de vertu qui paroissoient en ce ieune Prince.

Bản dịch ra tiếng Pháp (1651)

5.3 Bản dịch ra tiếng Pháp thêm tên chúa Sãi (*Ciua Sai*, Nguyễn Phúc Nguyên) là con của chúa Ông (*Ciua on*, Nguyễn Hoàng), cũng như ghi *Ciua ou* so với *Ciua on* của nguyên bản

Hic ego, antequam ad ea quæ postea sequuta sunt deueniam, obiter dicam de causis belli huius quod Rex tanto studio gessit. Superiore libro narrata est *Ciua on*, primi regis Cocincinensis nefaria proditio. Is enim cum à Tunchini rege cognato suo missus esset gubernator illarum prouinciarum, excussit ipse iugum ac tyrannicè dominationem omnem inuasit. Plurima dehinc sequuta bella; demùm sancita inter vtrunque pax est cum onere tributi annui, à Cocincinæ rege persoluedi. Religiosè id pluribus annis seruatum est, do-

Nguyên bản bằng tiếng La Tinh

Et il ne sera pas hors de propos d'ajouter icy le sujet que prit le Roy de Tunquin pour faire la guerre au Roy de la Cocinchine. C'est que depuis que *Ciua ou* (comme il a esté raconté au premier Liure) se fut faisý accortement de la domination des Prouinces de la Cocinchine, où son beau-frere l'auoit enuoyé en qualité de Gouverneur, & que pour achepter la paix il se fust obligé en reconnoissance de luy payer vn certain tribut. Depuis ayant continué de le payer (tant luy, que son fils *Ciua sai* qui luy auoit succédé) aux Roys de Tunquin leurs Parens, il arriua que *Ciua sai* encouragé & aguerry par le commerce des Portugais, & s'appuyant encore de l'amitié, & de la faueur de quelques Seigneurs Tunquinois puissans en la Cour du Roy, prit resolution de secouër l'obligation de cette redevance que son Pere luy auoit imposée. Neantmoins pour ne rompre point d'abord avec son Cousin, il s'aduifá de luy enuoyer comme en present deux cassettes richement ornées; pleines de quelques raretez exquisés qu'il auoit recouertes des Portugais, où acheptées des marchands de la Chine, & du Japon. Celuy qui les porta, estoit expressement chargé, (apres auoir rendu ses complimens au Roy de Tunquin de la part de son maistre) de luy presenter l'une de ces cassettes, & l'autre aux Princes de la Cour qui se trouuoient presens.

Bản dịch ra tiếng Pháp (1651)

Tóm lại các tài liệu từ TK 17 như hai bản đồ trong tác phẩm của LM de Rhodes (1651 và 1653) đã cho ta nhiều dữ kiện ngôn ngữ như Cao Bằng ở Đàng Ngoài so với Quảng Bình ở Đàng Trong (hai dạng đọc của chữ 平). Khuynh hướng sau này ở Đàng Trong là dùng dạng bình như bình an, công bình so với bằng an, công bằng ở Đàng Ngoài: quá trình tranh chấp từ Nam Bắc triều cho đến giai đoạn Trịnh Nguyễn đã khuếch đại sự khác biệt của tiếng Việt

Đàng Trong so với Đàng Ngoài (một nguồn tạo ra phương ngữ cho đến hiện tại). Các dữ kiện lịch sử còn được ghi nhận vào thời bình minh của chữ quốc ngữ như tên gọi **chúa Khánh** (Mạc Kính Khoan), **chúa Bằng** (Trịnh Tùng), **Thanh/Thịnh Đô Vương** (Trịnh Tráng), **chúa Sãi** (Nguyễn Phúc Nguyên) so với vua (nhà Lê). Chúa Khánh chiếm cứ vùng đất Cao Bằng và vẫn liên tục tấn công quân chúa Trịnh (bản đồ thứ nhì/1653). Có thể xem Cao Bằng thuộc về **Đàng Trên** (VBL trang 201) so với **Đàng Ngoài** và **Đàng Trong** - phản ánh một bức tranh toàn cảnh phức tạp của vương quốc An Nam với **những vùng dưới quyền cai trị của các chúa khác nhau** (LSVQĐN trang 10). Điều này thật khác với ‘lịch sử phổ thông’ mà người viết (NCT) từng học qua, thường chỉ nhắc đến hai miền tranh chấp là Đàng Ngoài và Đàng Trong mà thôi. Ngoài ra, từ các tài liệu trên mà ta có cơ sở dẫn đến kết luận **chúa Canh**¹⁸ chính là chúa Khánh (VBL) hay Khánh Vương 慶王. Từ thời kỳ này mà tiếng Việt xuất hiện cụm danh từ "**vua chúa**"¹⁹ (PGTN) rất đặc biệt so với các cách gọi trong các tài liệu cùng thời là *rex* (tiếng La Tinh ~ vua), *rey* (tiếng Bồ) và *roy* (~ *roi* tiếng Pháp hiện đại²⁰) - đây là những danh từ đơn - thường chỉ một người đứng đầu và có quyền hành ‘tối thượng’ trong một nước vào thời phong kiến. Các bản đồ bằng tiếng La Tinh (1651), tiếng Pháp (1653) và tiếng Ý (1683) của các giáo sĩ dòng Tên cho thấy hoạt động ghi chép và cập nhật chi tiết của các thừa sai khi đi truyền đạo ở ngoại quốc, một hệ quả là để lại cho các thế hệ sau nhiều tài liệu quý báu²¹. Bài viết nhỏ này góp nhặt một số mảnh vụn ngôn ngữ và lịch sử - hi vọng đóng góp thêm vài chi tiết vào bức tranh toàn cảnh của ngôn ngữ và lịch sử vào TK 17 mà ít người biết đến - cũng mong sao từ cách nhìn trên mà sẽ có những nghiên cứu sâu xa hơn để cho ra những phát hiện thú vị và chính xác hơn.

6. Tài liệu tham khảo chính

1) Pigneau de Béhaine (1772/1773) - *Bá Đa Lộc Bĩ Nhu* "Dictionarium Annamitico-Latinum" Dịch và giới thiệu bởi Nguyễn Khắc Xuyên, NXB Trẻ (Thành Phố HCM - 1999).

————— (1774/Quảng Đông → Địa phận Đàng Trong tái bản năm 1837)
"Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ" 聖教要理國語 viết bằng chữ Nôm theo dạng Hối-Thư. Y Doãn Ninh/Lê Bảo Tịnh phiên âm và chú giải, La Vang Tùng Thư xuất bản (Mỹ).

2) Đỗ Quang Chính (1972) “Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659” NXB Đuốc Sáng (Sài Gòn).

3) Chúa Thao cổ truyện 主滔古傳 (khuyết danh) Truyện thơ Nôm, thư viện đại học Yale - có thể đọc trên trang này chẳng hạn <https://findit.library.yale.edu/catalog/digcoll:14815> ...v.v...

4) Chu Xuân Giao (2010) “Đền Cờn và nữ thần Cửa Chúa (Nghệ An) ở thế kỉ XVII trong ghi chép thực địa của giáo sĩ Đắc Lộ” In trong sách Thông báo Văn hóa 2009, Hà Nội : NXB Từ điển Bách khoa.

¹⁸ Tác giả Chu Xuân Giao (sdd) cũng đề nghị chúa Canh là **chúa Khánh** không giống như các ước đoán trước đây về nguồn gốc của cụm danh từ này (1) tác giả Phạm Đình Khiêm cho rằng chúa Canh là **chúa Công** dựa vào tước chức Thái úy Thông quốc công (2) tác giả Nguyễn Khắc Xuyên cho rằng có thể do người Bồ gọi **chúa Cao Bằng** là ciucanghe (3) tác giả Đỗ Quang Chính (Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659, sdd) cho rằng có thể là **chúa Cao** vì nhà Mạc cai trị vùng Cao Bằng ...v.v...

¹⁹ VBL ghi là **vua** chỉ là hư vị vì **chúa** mới là người quyết định mọi việc ở Đàng Ngoài.

²⁰ Các dạng **roi** của tiếng Pháp hiện đại hay **roy** thời trung cổ, cũng như **rey** tiếng Bồ đều có gốc La Tinh là **rex**. Đề ý cách dùng trong PGTN trang 236 chẳng hạn "*Tôi lạy đức Chúa Jesu, là vua Chúa tôi*" ...v.v...

²¹ Mức chính xác của các bản đồ trên: so sánh ghi chú về Cao Bằng hay Chúa Canh (bản đồ thứ hai/1653 - mục 2.1 phần trên) và ghi chú trong Cao Bằng Phủ Toàn Đồ (Hồng Đức Bản Đồ, sdd) là "Nguy Mạc cựu cư".

————— (2017) "Vương triều Mạc thời kỳ Cao Bằng xung quanh thời điểm năm 1611, qua nội dung bài minh trên chuông lớn chùa Viên Minh" TC Nghiên cứu Lịch sử. Viện Sử học Số 2/2017, tr. 9 - 21.

5) Nguyễn Trường Hoan (2011) "Về Kẻ Chợ và Kattigara qua trình bày của Ngô Đức Thọ" đăng trên TC Văn Hóa Nghệ An chẳng hạn.

6) Hilario de Jesu (thế kỷ XVIII) "Sách Các Phép" bằng 3 thứ chữ Nôm, La Tinh và quốc ngữ. Sách lưu hành nội bộ (1997).

7) Alexandre de Rhodes (1651) "Phép Giảng Tám Ngày" - Tủ Sách Đại Kết in lại từ Tinh Việt Văn Đoàn (1961 - Sài Gòn) với phần giới thiệu của tác giả Nguyễn Khắc Xuyên.

————— (1651) "Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum" thường gọi là từ điển Việt-Bồ-La; bản dịch của Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính - NXB Khoa Học Xã Hội, Thành Phố HCM (1991).

————— "Tuồng Trình về Đàng Trong 1645" bản dịch của Hồng Nhuệ, NXB Ánh Sáng Publishing, Escondido (California/Mỹ, 1994?).

————— "Lịch sử Vương Quốc Đàng Ngoài từ 1627 tới năm 1646" dịch giả Nguyễn Khắc Xuyên - Tủ sách Đại Kết, Thành phố HCM (1994). Bản đồ An Nam **thứ nhất** (1651) trong nguyên bản La Tinh LSVQĐN hay trong bản dịch ra tiếng Pháp, bản đồ **thứ nhì** (1653) trích từ trang này <https://www.geographicus.com/P/AntiqueMap/tonkin-rhodes-1653..>

8) Jean Louis Taberd (1838) - tên Việt là Cố Từ - "Dictionarium Annamitico-Latinum" Serampore (Bengale).

9) Nguyễn Cung Thông (2019) "Tiếng Việt thời LM de Rhodes – cách gọi ngày tháng/thời gian (phần 6)" có thể tham khảo toàn bài trên trang này chẳng hạn

<https://nghiencuulichsu.com/2018/06/22/tieng-viet-thoi-lm-de-rhodes-cach-goi-ngay-thang-thoi-gian-phan-6/> / ...v.v...

————— (2020) "Tiếng Việt thời LM de Rhodes – cách gọi ngày tháng/thời gian (phần 6A)" có thể tham khảo toàn bài trên trang này chẳng hạn

<http://vanviet.info/nghien-cuu-phe-binh/tieng-viet-tu-thoi-lm-de-rhodes-cc-cch-dng-cha-nhatcha-tucha-nhthin-cha-phan-6a/> / ...v.v...

10) Nguyễn Trãi (1435) "Ức Trai Di Tập Dư Địa Chí" Phan Duy Tiếp dịch, Hà Văn Tấn hiệu đính và chú thích - NXB Sử Học (Hà Nội, 1960).

11) Tủ sách Viện Khảo Cổ (1962) "Hồng Đức Bản Đồ" - Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn - Publications of the Historical Research Institute - có thể tham khảo trên trang này chẳng hạn <https://online.fliphtml5.com/oimsx/erid/#p=38> ...

12) Hoàng Xuân Việt (2006) "Tìm hiểu lịch sử chữ quốc ngữ" NXB Văn Hóa Thông Tin (Hà Nội).

13) Alexei Volkov (2018) "On two maps of Vietnam by Alexandre de Rhodes" National Tsing Hua University - có thể đọc toàn bài viết trên trang này chẳng hạn

https://www.researchgate.net/publication/325717787_On_two_maps_of_vietnam_by_alexandre_de_rhodes...v.v...

Phụ Trương - bản đồ (1684) của thương gia/nhà du hành gốc Pháp Daniel Tavernier, để ý hình vẽ Kê Chợ (ghi là **Checo**) có **hai cầu**²² bắc qua sông cũng như hình bản đồ thứ nhì (1653) và hình vẽ Côn Đảo ở phía dưới ghi là **Đảo Con Rùa** vì có nhiều rùa (**die Inseln Tortues** - die Inseln là đảo tiếng Đức + tortues là con rùa tiếng Pháp, cũng như cách ghi **die Inseln Poissons** là **Đảo Cá** đối diện với Kê Công/Kecou) ...v.v...



²² Có thể các cây cầu xưa (nếu có) đã bị phá hủy hay sụp đổ vì bão lụt nên không còn nữa chăng?